TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH H** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 02 - 2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Vinh
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Nhu
Bà Bùi Tuấn Mỹ
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Trịnh Đình Vân Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D – tỉnh K.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa*: Ông Bùi Nguyên Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 294/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXX-ST ngày 04/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/01/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T - sinh năm 1982
Địa chỉ: thôn Phú Ân Nam 3, xã A, huyện D, tỉnh H .
Có mặt tại phiên tòa.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D - sinh năm 1973
Địa chỉ: thôn Phú Ân Nam 3, xã A, huyện D, tỉnh H .
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 20/9/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: bà và ông Nguyễn Văn D tự nguyện yêu thương nhau, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Nguyên vào năm 2003. Thời gian chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông D thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, có những lời nói, hành động xúc phạm đến bà, không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc gia đình, dẫn đến vợ chồng kình cãi thường xuyên, làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà đã nhiều lần cố gắng chịu đựng, bỏ qua và khuyên nhủ, nhưng ông D vẫn không thay đổi bản tính, tình cảm giữa vợ chồng đã rạn nức trầm trọng nên bà và ông D đã không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2023 cho đến nay. Bà xác định không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc đến ông D nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Văn T - sinh năm 2003 và Nguyễn V - sinh ngày 29/10/2006. Cháu T đã trưởng thành, khỏe mạnh nên bà không có yêu cầu gì. Bà T có nguyện vọng giao cháu V cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: bà xác định giữa bà và ông D không có tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời ông Nguyễn Văn Dũ đến Tòa án làm việc, nhưng ông D vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản, giấy tờ tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn D; con chung: có 02 con chung là Nguyễn Văn T - sinh năm 2003 và Nguyễn V - sinh ngày 29/10/2006. Cháu T đã trưởng thành, khỏe mạnh nên bà không có yêu cầu gì; bà có nguyện vọng giao cháu V cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung: không có. Bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D - tỉnh H phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng. Bị đơn ông Nguyễn Văn D vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T xin ly hôn với ông Nguyễn Văn D. Về con chung: Cháu T đã trưởng thành, khỏe mạnh, bà T không có yêu cầu gì nên không xem xét; Giao cháu V cho ông D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; tài sản chung và nợ chung: bà T xác định không có nên không xem xét. Về án phí: bà T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn D.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn D tự nguyện yêu thương nhau, chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Nguyên vào năm 2003 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 183, quyển số 01/2003 ngày 14/11/2003 theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, theo bà T nguyên nhân là do ông D thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, không có sự chăm sóc, quan tâm đến gia đình, có những lời nói, hành động xúc phạm đến bà, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà T không còn chung sống với ông D từ tháng 7/2023 cho đến

nay. Do đó, tình cảm bà T dành cho ông D không còn. Tại biên bản xác minh ngày 20/10/2023 tại Ủy ban nhân dân xã A thể hiện: Địa phương không có thông tin về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D. Ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông D không đến Tòa án làm việc. Điều này chứng tỏ, ông D không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này nên cho thấy hôn nhân giữa bà T và ông D đã không còn tình cảm yêu thương nhau, dẫn đến gia đình không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. *Về con chung*: Bà T và ông D có 02 con chung là Nguyễn Văn T - sinh năm 2003 và Nguyễn V - sinh ngày 29/10/2006. Cháu T đã trưởng thành, khỏe mạnh, bà T không có yêu cầu gì nên không xem xét. Hiện tại, ông D đang trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cháu Thái. Bà T và cháu V đều có nguyện vọng muốn ông D nuôi dưỡng cháu V, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu V nên cần để ông D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu V là phù hợp với pháp luật.

[4]. *Về tài sản chung*: bà T xác định giữa bà và ông D không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về nợ chung*: bà T xác định giữa bà và ông D không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí*: bà T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

[2]. *Về con chung*: Giao con chung là Nguyễn V - sinh ngày 29/10/2006, cho ông D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà Tiên, ông D có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. *Về tài sản chung*: không có.

[4]. *Về nợ chung*: không có.

[5]. *Về án phí:* bà Lê Thị T nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0004284 ngày 06/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D - tỉnh H; bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Kim Vinh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh H ;
- VKSND huyện D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D;
- Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Nguyên (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.